

Số: **04** /2015/TT-BCA

Hà Nội, ngày **05** tháng **01** năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh,
xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17/11/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định, hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam

1. Tờ khai đề nghị cấp thị thực Việt Nam (NA1).
2. Công văn đề nghị xét duyệt, kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NA2).
3. Đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh (NA3).
4. Phiếu yêu cầu điện báo (NA4).
5. Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (NA5).
6. Công văn đề nghị cấp thẻ tạm trú (NA6).
7. Đơn bảo lãnh cấp thẻ tạm trú (NA7).
8. Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài (NA8).
9. Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy miễn thị thực (NA9).
10. Danh sách người đề nghị cấp giấy miễn thị thực (NA10).
11. Giấy bảo lãnh cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (NA11).

12. Đơn xin thường trú (NA12).
13. Tờ khai cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú (NA13).
14. Công văn đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA14).
15. Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA15).
16. Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức (NA16).
17. Phiếu khai báo tạm trú của người nước ngoài (NA17).
18. Danh sách người nước ngoài khai báo tạm trú (NA18).

Điều 3. Mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh

1. Công văn trả lời đề nghị xét duyệt nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB1).
2. Công văn trả lời đề nghị kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB2).
3. Công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế (NB3).
4. Bản FAX thông báo cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho khách (NB4).
5. Công văn trả lời nhân sự người đề nghị cấp giấy miễn thị thực (NB5).
6. Giấy báo tin về việc người nước ngoài xin thường trú (NB6).
7. Giấy biên nhận hồ sơ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (NB7).

Điều 4. Mẫu giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú Việt Nam

1. Thị thực dán (NC1).
2. Thị thực rời (NC2).
3. Thẻ tạm trú loại dán (NC3A).
4. Thẻ tạm trú loại rời (NC3B, NC3C).
5. Giấy miễn thị thực loại dán (NC4).
6. Giấy miễn thị thực loại rời (NC5).
7. Dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh (NC6).
8. Dấu chứng nhận tạm trú (NC7).
9. Dấu gia hạn tạm trú (NC8).
10. Thẻ thường trú (NC9).
11. Giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NC10).
12. Biên bản tạm hoãn xuất cảnh/buộc xuất cảnh/chưa cho nhập cảnh (NC11).
13. Quyết định buộc xuất cảnh (NC12).

Điều 5. In, sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ

1. Đối với ấn phẩm trắng (thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực):

a. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị nghiên cứu, sản xuất tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ của Tổng cục Hậu cần, kỹ thuật Bộ Công an để sản xuất ấn phẩm trắng cung ứng kịp thời yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực.

b. Các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực phải quản lý ấn phẩm trắng theo chế độ mật; cấp đúng quy định, đúng đối tượng.

c. Trước ngày 15/11 hàng năm, các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực phải dự trữ và đăng ký với Cục Quản lý xuất nhập cảnh số lượng ấn phẩm trắng cần sử dụng cho năm tiếp theo. Cách đăng ký như sau: các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan của Bộ Ngoại giao đăng ký qua Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế thuộc Bộ Quốc phòng quản lý đăng ký qua Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký trực tiếp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Đối với các mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh nêu tại Điều 3 của Thông tư này khi sử dụng phải in trên khổ giấy A4 và không được thay đổi nội dung của mẫu.

3. Đối với các mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 2 Thông tư này, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể truy cập, in sử dụng các mẫu giấy tờ trên mạng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài. Khi sử dụng mẫu, không được thêm, bớt và phải điền đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015.

Thông tư này thay thế: Điều 1 Thông tư số 01/2012/TTLT/BCA-BNG ngày 03/01/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT ngày 29/01/2012 và Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 12/05/2009 của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; Điều 2 Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 05/01/2013 về việc ban hành, hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến công tác quản lý xuất nhập cảnh; Thông tư số 25/2013/TT-BCA ngày 12/06/2014 sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 05/01/2013 về việc ban hành hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến công tác quản lý xuất nhập cảnh.

2. Giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực còn thời hạn được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn ghi trong giấy tờ đó.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục An ninh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương và các đơn vị khác có liên quan tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Tổng cục An ninh) để có hướng dẫn kịp thời. / *NK*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, A61/A72. (M.150b)



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang

Ảnh - photo
4x6 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA1
Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)
VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM
(Dùng cho người nước ngoài – For foreigners)

**BẢN MẪU
SPECIMEN**

- 1- Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
Sex Male Female
- 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Nơi sinh:
Place of birth
- 5- Quốc tịch gốc: 6- Quốc tịch hiện nay:
Nationality at birth Current nationality
- 7- Tôn giáo: 8- Nghề nghiệp:
Religion Occupation
- 9- Nơi làm việc:
Employer and business address
- 10- Địa chỉ thường trú:
Permanent residential address
- Số điện thoại/Email:
Telephone/Email

11- Thân nhân Family members:

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day, Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Địa chỉ thường trú <i>Permanent residential address</i>

- 12- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: loại (4):
Passport or International Travel Document number Type
- Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:/...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
- 13- Ngày nhập cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có):
Date of the previous entry into Viet Nam (if any)
- 14- Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày/...../.....; tạm trú ở Việt Namngày
Intended date of entry (Day, Month, Year) Intended length of stay in Viet Nam days
- 15- Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
- 16- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:
Intended temporary residential address in Viet Nam
- 17- Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh
Hosting organisation/individual in Viet Nam
- Cơ quan, tổ chức:
Name of hosting organisation

Địa chỉ:
 Address
 Cá nhân (họ tên)
 Hosting individual (full name)
 Địa chỉ
 Address

Quan hệ với bản thân
 Relationship to the applicant

18- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (nếu có):
 Accompanying child(ren) under 14 years old included
 in your passport (if any)

Ảnh - photo 4x6 cm (under 14 years old) See notes (2)	Ảnh - photo 4x6 cm (under 14 years old) See notes (2)
--	--

Số TT No	Họ tên (chữ in hoa) Full name (in capital letters)	Giới tính (Sex)	Ngày tháng năm sinh Date of birth

19- Đề nghị cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐
 Applying for a visa Single Multiple
 từ ngày:/...../..... đến ngày...../...../.....
 valid from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

20- Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):.....
 Other requests (if any)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.
 I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại: ngàythángnăm
 Done at date (Day, Month, Year)
Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
 The applicant's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế nơi nhận thị thực.
 Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission abroad or at the international border checkpoint immigration office where the visa is issued.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).
 Enclose 2 recently taken photos in 4x6 cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses (one on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột (nếu có).
 State clearly the information about parents, spouse, children and siblings (if any).

(4) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.
 Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic or specify name of the International Travel Document.

.....(1)

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:

V/v nhập cảnh của
khách nước ngoài

..... ngày.....tháng..... năm



Kính gửi : CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)

.....(1) đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét việc nhập cảnh
của người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Chức vụ hoặc nghề nghiệp
				Gốc	Hiện nay		

Được nhập cảnh Việt Namlần, từ ngày/...../..... đến ngày...../..... /

Với mục đích:.....

Chương trình hoạt động tại các địa phương:.....

Dự kiến địa chỉ tạm trú tại:.....

Cơ quan, tổ chức đón tiếp, quản lý:

Đề nghị Cục Quản lý XNC: (2)

- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại nước để cấp thị thực.

- Giải quyết cho khách nhận thị thực tại cửa khẩu lý do

- Đề nghị khác (3)

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan/ tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.

(2) Mục nào không ghi thì gạch chéo (/) ở phần chứa trống.

(3) Trường hợp khách thuộc diện miễn thị thực theo quy định, thì mục này ghi "khách được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam".

ĐƠN BẢO LÃNH CHO THÂN NHÂN LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
NHẬP CẢNH VIỆT NAM (1)
SPONSORING APPLICATION FORM FOR FOREIGN FAMILY MEMBERS
TO ENTER VIET NAM

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an
To: Immigration Department – Ministry of Public Security



I- Người bảo lãnh (The sponsor):

- 1- Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
Sex Male Female
- 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc:5- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 6- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số (2):
Identity card/Passport/Permanent or Temporary Resident Card number
- Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp:
Issuing date (Day, Month, Year) Issuing authority
- 7- Nghề nghiệp:
Occupation
- 8- Nơi làm việc (nếu có):
Employer and business address (if any)
- 9- Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam (3):
Permanent/temporary residential address in Viet Nam
- 10- Điện thoại liên hệ/Email:.....
Contact telephone number/Email

II/- Người nước ngoài được bảo lãnh The sponsored:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day, Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>		Hộ chiếu số <i>Passport number</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Quan hệ (4) <i>Relationship</i>
				Gốc <i>At birth</i>	Hiện nay <i>Current</i>			

III- Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh Request the Immigration Department:

- 1- Giải quyết cho những người có tên ở Mục II được nhập cảnh Việt Nam
một lần ☐ nhiều lần ☐ từ ngày:/...../.....đến ngày...../...../.....
To grant the people listed in Part II permission of a single entry ☐ or multiple entries ☐ into Viet Nam for an intended length of stay from (Day, Month, Year)).../.../..... to .../.../..
- 2- Mục đích/ Purpose of entry:
- 3- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:
Intended temporary residential address in Viet Nam

4- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại.....nước
để cấp thị thực.

*To inform the Vietnamese Diplomatic Mission at..... in (country)
of the visa issuance.*

5- Cho nhận thị thực tại cửa khẩu, tên cửa khẩu:

.....
To grant permission to pick up visa upon arrival at Border Checkpoint.

Lý do

Reason (s)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Xác nhận *Certified by (5)*
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Done at date (Day, Month, Year)
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and full name

Ghi chú/Notes

(1) Dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú/thẻ tạm trú tại Việt Nam mời, bảo lãnh thân nhân nhập cảnh; nộp trực tiếp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an.

This form is for Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent or Temporary Resident Card in sponsoring their foreign family members to apply for a Vietnamese visa. Submit in person a completed application form at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú;

Enclose a certified copy of the ID Card/ Passport or Permanent/ Temporary Resident Card

(3) Công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ghi địa chỉ thường trú; người nước ngoài có thẻ tạm trú ghi địa chỉ tạm trú.

For Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent Resident Card, specify the permanent residential address in Viet Nam; For Temporary Resident Card holders, specify the temporary residential address.

(4) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định.

Enclose supporting documents to prove family relationship as stipulated by the Law.

(5) Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các điểm khai tại Mục I.

For Vietnamese citizens and the foreigners with Permanent Resident Card, Part I is certified by the Chief of the Ward/Commune Public Security.

Trường hợp người nước ngoài có thẻ tạm trú thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người đó xác nhận các điểm khai tại Mục I.

For the foreigners with Temporary Resident Card, part I is certified by the Head of sponsoring organisation.

....., ngày..... tháng.....năm.....

PHIẾU YÊU CẦU ĐIỆN BÁO

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh



Đề nghị quý Cục điện báo tới cơ quan đại diện Việt Nam tại.....

.....
Đề cấp thị thực nhập cảnh cho những khách dưới đây:

Tổng số..... khách, trong đó:

-..... khách, từ số..... tới số..... tại công văn trả lời
về việc xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày.....

-..... khách, từ số..... tới số..... tại công văn trả lời
về việc xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày.....

-..... khách, từ số..... tới số..... tại công văn trả lời
về việc xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày.....

Người đề nghị

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION
Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam



I- Người đề nghị The applicant:

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 6- Nghề nghiệp/chức vụ:
Occupation/position
- 7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: loại (2):
Passport or International Travel Document number Type
- Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
- 8- Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../..... qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
- Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry
- 9- Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....
Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email
Contact telephone number/Email

II- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:
Hosting organisation/family relative in Viet Nam

- 1- Tên cơ quan, tổ chức Name of hosting organisation:
Địa chỉ Address
Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/Email
- 2- Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):
Hosting family relative (full name)
- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:
Identity Card/Passport/Permanent/ Temporary Resident Card Number
- Cấp ngày: cơ quan cấp:
Issuing date Issuing authority
- Quan hệ với người đề nghị: (3)
Relationship to the applicant
- Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:
Permanent/temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email:
Contact telephone number/Email

III- Nội dung đề nghị *Requests:*

- 1- Cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐ có giá trị đến ngày:/...../.....
To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)
- 2- Gia hạn tạm trú đến ngày:/...../.....
To extend the duration of stay until (Day, Month, Year)
- 3- Lý do *Reason(s)*.....

IV- Những điều cần trình bày thêm *Additional statements:*

.....

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) *Certified by*
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh
(ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and full name

Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú *Notes:*

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document and one recently taken photo in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses at the Immigration Office.

(2) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.

(3) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.

Enclose supporting documents to prove the family relationship

(4) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thẻ tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.

Be certified by the head of the organization if the sponsor is an organisation or a foreigner with Temporary Resident Card.

Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú mời, bảo lãnh, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các nội dung tại điểm 2 Mục II.

Be certified by the Chief of the local Ward/Commune Public Security where the sponsor is residing permanently if the sponsor is a Vietnamese citizen or a foreigner with Permanent Resident Card.

.....(1)

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:

V/v Đề nghị cấp thẻ tạm trú
cho người nước ngoài

....., ngày tháng năm



Kính gửi :(2)

Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài sau đây:

Số TT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Vị trí công việc

(Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú kèm theo)

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú NG3).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN BẢO LÃNH CẤP THẺ TẠM TRÚ

Kính gửi:.....

BẢN MÃI*
SPECIME ✓

I. Người bảo lãnh:

- 1- Họ tên:
2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
4- Địa chỉ thường trú (theo sổ hộ khẩu):
- Địa chỉ tạm trú (nếu có):
- Điện thoại liên hệ/Email:
5- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu số
6- Nghề nghiệp:Nơi làm việc hiện nay:

II. Người được bảo lãnh:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh:

- 1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được cấp thẻ tạm trú theo tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú (kèm theo).
2- Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

Xác nhận (3)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, Thành phố nơi thường trú.
(2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh
(3) Trưởng/Công an phường, xã nơi người bảo lãnh thường trú xác nhận nội dung tại Mục I.

Ảnh -
photo
2x3 cm
See notes
(2)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ (1)
INFORMATION FORM FOR A TEMPORARY RESIDENT CARD
Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam



- 1- Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:
Nationality at birth Current nationality
- 6- Nghề nghiệp/chức vụ:
Occupation/ position
- 7- Hộ chiếu số.....Loại: Phổ thông ☐ Công vụ ☐ Ngoại giao ☐
Passport Number Type: Ordinary Official Diplomatic
Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày...../...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
- 8- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam
Your residential and business address before coming to Viet Nam
- Địa chỉ cư trú *Residential address*:
- Nơi làm việc *Business address*:
- 9- Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../..... qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
Mục đích nhập cảnh: (3)
Purpose of entry
- 10- Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....
Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email:
Contact telephone number/Email
- 11- Nội dung đề nghị *Requests*:
- Cấp thẻ tạm trú có giá trị đến ngày...../...../.....
To issue a Temporary Resident Card valid until (Day, Month, Year)
- Lý do *Reason(s)*: (4)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại: ngàythángnăm
Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu và công văn bảo lãnh của cơ quan, tổ chức hoặc đơn bảo lãnh của thân nhân; nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại Giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú ký hiệu NG3).

Submit in person one completed application form enclosed with passport and the sponsoring application by the hosting organisation/ family relative at the Immigration Office or at the competent authority of the Ministry of Foreign Affairs (for those who are eligible for the Temporary Resident Card categorised as NG3)

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai và 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently-taken photos in 2x3 cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ vào làm việc gì ở Việt Nam hoặc thăm người thân.

Specify business purpose in Vietnam or family visit purpose.

(4) Ghi rõ lý do: làm việc, lao động, đầu tư, học tập hoặc thăm người thân và kèm theo giấy tờ chứng minh

Specify the reasons whether it is business, labour, investment, study or family visit and enclose supporting documents.

Ảnh - photo
4x6 cm
See notes
(2)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY MIỄN THỊ THỰC (1)
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE/REISSUANCE
OF A VISA EXEMPTION CERTIFICATE



- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
Sex Male Female
- 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Nơi sinh:.....
Place of birth
- 5- Quốc tịch gốc:6- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số.....
Passport or International Travel Document number
- Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
- 8- Nghề nghiệp:.....
Occupation
- 9- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc hiện nay ở nước ngoài:
Current residential, business address abroad:
-Số điện thoại/Email:.....
Telephone/Email
- 10-Địa chỉ cư trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài (nếu có)
Previous residential address in Viet Nam before residing abroad (if any)
-
- 11- Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam
Contact address in Viet Nam
-Số điện thoại:.....
Telephone
- 12- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh)
Accompanying minors (under 14 years old) included in the applicant's passport (full name, sex, date of birth (Day, Month, Year)).
-
-
- 13- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được cấp giấy miễn thị thực (3)
Supporting documents to prove the eligibility for a Visa Exemption Certificate
-
-

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.
I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại: ngàythángnăm
Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes:

- (1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission or at the Immigration Department.
- (2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời)
Enclose 02 recently taken photos in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).
- (3) Kèm bản sao một trong các giấy tờ: Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Hộ chiếu Việt Nam hết giá trị, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam
Enclose one certified copy of one of the following documents: Birth Certificate, Marriage Certificate, expired Vietnamese Passport, ID Card, Family Registration Booklet or other documents as stipulated by the Vietnamese Law.

.....(1)

Số:

V/v cấp Giấy miễn thị thực

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

.....(1).....gửi danh sách đề nghị cấp giấy miễn thị thực cho(2).....người sau:

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/ Giấy tờ đi lại quốc tế		Nghề nghiệp	Giấy tờ chứng minh (3)	Ghi chú (4)
					Số	Ngày hết hạn			

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh cho biết ý kiến./.

Thủ trưởng cơ quan đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- (2) Tổng số người;
- (3)- Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ghi tên giấy tờ chứng minh là người gốc Việt Nam
- Đối với người nước ngoài, ghi rõ tên giấy tờ chứng minh quan hệ với người Việt Nam.
- (4) Những vấn đề cần chú ý khác: cấp lại, cấp lần mấy....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN MẪU
SPECIMEN**

GIẤY BẢO LÃNH

CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM (1)

I- Người bảo lãnh

- 1- Họ tên:.....
2- Giới tính: nam ☐ nữ ☐ 3- Sinh ngày.....tháng..... năm
4- Địa chỉ thường trú (ghi theo sổ hộ khẩu).....
5- Giấy chứng minh nhân dân số:
cấp ngày: cơ quan cấp:
6- Nghề nghiệp:..... Nơi làm việc hiện nay:

II. Người được bảo lãnh

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Nghề nghiệp	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh

1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được thường trú tại địa chỉ:

2- Đảm bảo về cuộc sống cho thân nhân sau khi được thường trú (3)

a. Về nhà ở:

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà ☐

Người được bảo lãnh tự mua ☐

b. Về nguồn sống thường xuyên:

Người bảo lãnh cung cấp tài chính để nuôi dưỡng ☐

Người được bảo lãnh tự túc ☐

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

**Xác nhận của Công an phường, xã nơi
người bảo lãnh thường trú (4)**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Nộp kèm theo đơn xin thường trú (mẫu NA12).
(2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh và kèm theo giấy tờ chứng minh.
(3) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.
(4) Trưởng Công an phường, xã xác nhận Mục I.

Ảnh - photo
2x3 cm
See notes
(2)

ĐƠN XIN THƯỜNG TRÚ
APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENCE STATUS
(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)
(For temporary residence foreigners in Viet Nam)



Kính gửi/To:

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ tên khác (nếu có):
Other names (if any)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Nơi sinh:.....
Place of birth
- 5- Quốc tịch gốc: 6- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 7- Dân tộc: 8- Tôn giáo:
Ethnic group Religion
- 9- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số.....
Passport or International Travel Document number
- 10- Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
- 11- Địa chỉ cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam
Residential address, occupation and business address abroad before coming to Viet Nam
- Địa chỉ *Residential address*
- Nghề nghiệp *Occupation*
- Nơi làm việc *Business address*.....
- 12- Trình độ *Qualifications*.....
- Học vấn (bằng cấp, học vị)..... Tay nghề chuyên môn (ngành, bậc).....
Academic qualifications Professional skills (area, level)
- Trình độ tiếng Việt (nói, nghe, đọc, viết)
Vietnamese language skills (speaking, listening, reading, writing)
- 13- Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../.....qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam via entry port
- Mục đích nhập cảnh: Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....
Purpose of entry Permitted to remain until (Day, Month, Year)
- 14- Địa chỉ tạm trú, nghề nghiệp, nơi làm việc tại Việt Nam
Temporary address, occupation, business address in Viet Nam
- Địa chỉ *Temporary residential address*:.....
- Nghề nghiệp *Occupation*:
- Nơi làm việc *Business address*:
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng..... Cơ quan..... Di động.....
Contact Telephone Home Office Mobile

Brief personal experience (from age 18 to date: what did you do? where did you stay?)

[illegible]

Participation in any political parties or social organisations (name, participating date, position or title held)

[illegible][illegible]

Living costs affordability if permanent residency in Viet Nam is granted

Your accommodation

9

☐

Financial Capability

9

Financially supported or brought up by the sponsor

Người xin thường trú tự túc



Self-funded by the applicant

- Mức thu nhập hiện nay (tính theo đồng Việt Nam/tháng):.....

Current income (in Vietnamese Dong/ per month)

18- Nội dung đề nghị *Requests*

- Xin thường trú tại địa chỉ:

Applying for permanent residency at the address

Số nhà: Đường/ phố/ thôn Phường/ xã

House number Street/Road/Village Ward/commune

quận/ huyện thành phố/ tỉnh

District City/ Province

- Lý do xin thường trú (5).....

Reason for permanent residence application

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại: ngàythángnăm

Done at date (Day, Month, Year)

Người làm đơn (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi xin thường trú; trường hợp người có công lao, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, nhà khoa học, chuyên gia thì nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed form at the Immigration Office of Province/ Central City Public Security where the applicant is applying for permanent residency. For the foreigners who have contribution to the Cause of Development and Protection of Viet Nam, or are scientists and specialists, submit at the Immigration Department.

(2) Kèm 03 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào đơn và 2 ảnh để rời).

Enclose 03 recently taken photos in 2x3cm size, with white background, front view, bare head and without sunglasses (one photo on the form and the others separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(4) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.

Mark X on the appropriate box and enclose supporting documents.

(5) Ghi rõ lý do xin thường trú, kèm theo giấy tờ chứng minh.

Specify reasons for permanent residency application and enclose supporting documents.

Ảnh -
photo
2x3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form) NA13
Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-BCA
ngày 05 tháng 01 năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ THƯỜNG TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENT CARD
RENEWAL/ REISSUANCE

(Dùng cho người nước ngoài đang thường trú tại Việt Nam)
(For permanent residence foreigners in Viet Nam)

**BẢN MẪU
SPECIMEN**

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ tên khác (nếu có):
Other names (if any)
- 2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Nơi sinh:.....
Place of birth
- 5- Quốc tịch gốc:.....6- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 7- Nghề nghiệp:
Occupation
- 8- Nơi làm việc (tên cơ quan/ tổ chức).....
Employer (Name of organisation)
Địa chỉ:
Business address
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*.....
- 9- Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:
Permanent residential address
Số nhà: Đường/ phố/ thôn Phường/ xã
House number Street/ road/village Ward/commune
quận/ huyện thành phố/ tỉnh
District City/ Province
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*.....
- 10- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:
Passport or International Travel Document number
Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
- 11- Thẻ thường trú số:
Permanent resident card number
Cơ quan cấp: ngày cấp:
Issuing authority Issuing date (Day, Month, Year)

12- Thân nhân *Family members*

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

13- Nội dung đề nghị:

Requests:

+ Đổi thẻ thường trú ☐

To renew the Permanent Resident Card

+ Cấp lại thẻ thường trú ☐

To reissue the Permanent Resident Card

- Lý do (4).....

Reason

.....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

**Xác nhận của Công an phường, xã nơi
người nước ngoài thường trú (5)**
*Certified by the Ward/Commune Public Security
where the applicant is residing permanently*
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Done atdate (Day, Month, Year)
Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes:

- (1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thường trú.
Submit in person one completed form at the Immigration Office of Province / Central City Public Security where the applicant is residing permanently.
- (2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).
Enclose 02 recently taken photos in 4x6cm size with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form, the other separate).
- (3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.
State clearly the information about parents, spouse and children.
- (4) Ghi rõ lý do bị mất/ bị hỏng/ thay đổi nội dung ghi trong thẻ.
Specify the reason whether it is loss, damage, modification of details on the Card.
- (5) Trưởng Công an phường, xã xác nhận các điểm khai ghi tại Mục 1, 2, 3, 9, 12
Points 1,2,3,9, 12 are certified by the Chief of the Ward/ Commune Public Security

.....(1)

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:

....., ngày tháng năm



Kính gửi :

Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ

- Địa chỉ tạm trú/ thường trú tại Việt Nam:

- Khách của cơ quan/ tổ chức:

- Xin vào khu vực:

Thời gian: từ ngày đến ngày số lần

Mục đích:

- Người hướng dẫn:

Họ tên: chức vụ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

cấp ngày..... cơ quan cấp.....

Nơi làm việc:

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan/ tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức;

(2) Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN XIN PHÉP CHO THÂN NHÂN VÀO KHU VỰC CẤM, KHU VỰC BIÊN GIỚI (1)



Kính gửi : (2)

- Tên tôi là (chữ in hoa):
- Giới tính: nam ☐ nữ ☐ Sinh ngày tháng năm..... Nghề nghiệp:
- Giấy chứng minh nhân dân số:
cấp ngày cơ quan cấp:
- Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài,
cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/ thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ

- Địa chỉ tạm trú/ thường trú tại Việt Nam:
- Quan hệ với bản thân:(3)
- Xin vào khu vực:
Thời gian: từ ngày đến ngày số lần
- Mục đích:

Xác nhận của Trưởng Công an phường, xã
nơi người bảo lãnh thường trú (4)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Dùng cho công dân Việt Nam đang thường trú tại khu vực cấm, khu vực biên giới;
- (2) Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.
- (3) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ (ông, bà, cha, mẹ của vợ hoặc chồng; vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người làm đơn).
- (4) Xác nhận nhân thân người bảo lãnh và địa chỉ thường trú của người bảo lãnh.

.....(1)

..... ngày tháng năm

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:

v/v giới thiệu con dấu, chữ ký



Kính gửi:.....(2)

.....(3)được thành lập theo(4)cấp ngày...../...../.....

Xin giới thiệu con dấu của(5) và chữ ký của người có thẩm quyền để làm các thủ tục liên quan đến việc bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại quý cơ quan, cụ thể:

1- Mẫu con dấu:

--	--	--

2- Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà):

- Quốc tịch:.....CMND/Hộ chiếu số:

- Địa chỉ thường trú/tạm trú:

- Mẫu chữ ký:

--	--	--

Xin giới thiệu để quý cơ quan phối hợp công tác./.

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) (3) (5) Tên cơ quan/tổ chức.

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

(4) Ghi rõ giấy phép hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập tổ chức và kèm theo bản sao có chứng thực.

Tên cơ sở lưu trữ:..... (1)
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

PHIẾU KHAI BÁO TÀM TRÚ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI



Kính gửi:

STT	Họ Tên	Giới tính		Sinh ngày, tháng, năm	Quốc tịch	Loại, số hộ chiếu (2)	Loại, thời hạn, số, ngày cấp, cơ quan cấp thị thực (3)	Ngày, của khẩu nhập cảnh (4)	Mục đích nhập cảnh	Tạm trú (từ ngày đến ngày)
		Nam	Nữ							

Xác nhận
(của đơn vị tiếp nhận)

Đại diện cơ sở lưu trữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Cơ sở lưu trữ du lịch, nhà khách, khu nhà ở cho người nước ngoài làm việc, lao động, học tập, thực tập, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhà riêng, hoặc cơ sở lưu trữ khác theo quy định của pháp luật.
(2) Ghi rõ số, loại hộ chiếu (phổ thông, công vụ...);
(3) Nếu nhập cảnh theo diện miễn thị thực thì ghi "Miễn thị thực"; nhập cảnh bằng giấy tờ khác thì ghi rõ theo thứ tự: loại giấy tờ (thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ ATRC), số, thời hạn, ngày cấp, cơ quan cấp.
(4) Ghi ngày, tháng, năm, của khẩu nhập cảnh lần gần nhất;

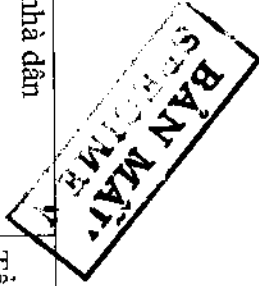
Đơn vị:.....
Điện thoại:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG KÊ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠM TRÚ

Kính gửi:



STT	Quốc tịch	NNN tạm trú tại cơ sở lưu trú		NNN tạm trú tại nhà dân		Tổng số (theo từng quốc tịch)
		Khách mới	Khách đang tạm trú	Khách mới	Khách đang tạm trú	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
Tổng						

Xác nhận
(của đơn vị tiếp nhận)

Đơn vị thống kê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



..... ngày tháng năm

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

V/v giải quyết cho người nước
ngoài nhập cảnh Việt Nam

Số: /

Kính gửi: (1)

Trả lời:.....(2), ngày.....tháng.....năm.....của.....(1) về việc giải quyết cho
.....người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam để.....(3), Cục Quản lý xuất nhập
cảnh có ý kiến như sau:

1/ Đồng ý cho.....người nước ngoài có tên có tên sau đây được nhập cảnh
Việt Nam..... lần từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....: (4)

2/ Về việc cấp thị thực: (5)
3/ Ý kiến khác: (6)

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị kiểm soát xuất
nhập cảnh tại cửa khẩu (7);
- Lưu: VT,...

Giải thích mẫu:

(1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị.

(2) Công văn số của cơ quan, tổ chức hoặc đơn đề nghị của cá nhân.

(3) Ghi rõ mục đích nhập cảnh.

(4) Nếu có từ 1 đến 4 người thì in ngay danh sách với các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu vào phần chứa trong của mục này. Nếu có số lần nhập cảnh, thời gian nhập cảnh khác nhau thì sẽ in thêm các dòng tương ứng; nếu 5 người trở lên, sẽ in thêm dòng chữ *danh sách kèm theo*, danh sách được in vào tờ riêng cũng gồm các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu
(5) Ghi rõ việc Cục Quản lý XNC đã fax cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, hoặc cho phép người nước ngoài được nhận thị thực tại cửa khẩu đường bộ, đường thủy, đường sắt.
(6) + (7) Mục này không thể hiện trên công văn trả lời, chỉ khi có những vấn đề liên quan việc nhập cảnh của người nước ngoài hoặc liên quan, tổ chức, cá nhân mới khách hoặc nhận thị thực tại cửa khẩu thì mới in mục này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



.....ngày.....tháng.....năm.....

Số:
V/v kiểm tra nhân sự người
nước ngoài nhập cảnh Việt Nam

Kính gửi:

(1)

Trà lời công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của quý cơ quan
về việc(2).....người nhập cảnh Việt Nam để.....(3),
Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

Về nhân sự, việc nhập cảnh từ...../...../.....đến...../.....của.....(2) người
nơi tên không có gì trở ngại (4).
(Nếu trường hợp có đối tượng chưa cho nhập cảnh, có liên quan đến An ninh
quốc gia hoặc những ghi chú cần thiết khác thì mới có mục này).

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

Giải thích mẫu:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị;

(2) Ghi rõ số lượng người nước ngoài;

(3) Ghi rõ mục đích nhập cảnh;

(4) Nếu có từ 1 đến 4 khách thì in ngay danh sách với các yếu tố: số TT, mã số, họ tên giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số
hộ chiếu vào phần chưa của mục này. Nếu có số lần nhập cảnh, thời gian nhập cảnh khác nhau thì sẽ in thêm các
dòng tương ứng; nếu có 5 khách trở lên, máy sẽ in thêm dòng chữ *danh sách kèm theo*, danh sách được in vào tờ riêng
cùng gồm các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu.

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Immigration Department
Số (Ref. No): /...
V/v nhận thị thực tại cửa khẩu
Subj: Pick up visa on arrival

Kính gửi: To:



Trả lời.....(2), ngày... tháng ... năm ... của(1) về việc giải quyết
cho..... người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam để.....(3), Cục Quản lý xuất
nhập cảnh có ý kiến như sau :

In response to the letter number.....datedfrom.....requesting
permission granted to enter Viet Nam for the purpose of....., the
Immigration Department refers it as follows:

1/ Đồng ý cho.....người nước ngoài có tên sau đây được nhập cảnh
Việt Nam.....lần, từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....(4)
.....following persons are grantedentry/ entries into Viet Nam from/...../.....
to...../...../.....

2/ Những khách trên được nhận thị thực tại cửa khẩu sân bay quốc tế./.
Those above mentioned persons shall pick up visa on arrival at the International Airports.

3/ Ý kiến khác (5).

Notes:

Nơi nhận (cc. to):

- Như trên;
- CACK sân bay quốc tế.....(6)
- (Immigration Office at the International Airports);
- Lưu: (file).

CỤC TRƯỞNG
Director General

Giải thích mẫu:

(1) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đề nghị.
(2) Công văn số của cơ quan, tổ chức hoặc đơn đề nghị của cá nhân.

- (3) Ghi rõ mục đích nhập cảnh.
- (4) Nếu có từ 1 đến 4 người thì in ngay danh sách với các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu vào phần chứa tổng của mục này. Nếu có số lần nhập cảnh khác nhau, thời gian nhập cảnh khác nhau thì sẽ in thêm các dòng tương ứng; nếu 5 người trở lên, sẽ in thêm dòng chữ *danh sách kèm theo*, danh sách được in vào tờ riêng cũng gồm các yếu tố: số TT, mã số, họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, số hộ chiếu
- (5) Mục này không thể hiện trên công văn trả lời, chỉ khi có những vấn đề liên quan việc nhập cảnh của người nước ngoài hoặc liên quan, tổ chức, cá nhân mới khách thì mới in mục này
- (6) Tên cửa khẩu sân bay quốc tế nơi người nước ngoài nhận thị thực.

Danh sách kèm theo công văn số
Attached list to the approval letter number:
/P2 ngày/...../.....
/P2 dated/...../.....

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department

Tel Fax



Đề nghị cấp thị thực nhập cảnh cho
... khách dưới đây theo đề nghị của.....(2)

Kính gửi:.....(1)

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Fax số:
Ngày :

Trang ... (tổng số trang: ...)

HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Giá trị thị thực		Mã số khách
				Từ ngày... đến ngày	Số lần	
Mục đích nhập cảnh ... - Thị thực kỳ hiệu ...						
1	...					
2						

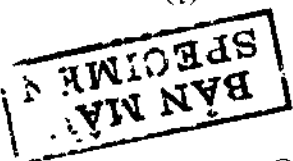
Tổng số khách tại trang này (ghi bằng chữ): CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ XNC

Giải thích mẫu:

- (1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
(2) Tên, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân.

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm



Kính gửi:(1).

Trả lời công điện số ngày / / của Quý cơ quan về việc cấp Giấy miễn thị thực cho người, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

1. Việc cấp giấy miễn thị thực cho người có tên nêu trên không có gì trở ngại.

2. Trường hợp khách số ... trong công điện ..., đề nghị (2).....

Xin trao đổi Quý cơ quan phối hợp công tác./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:.....

Giải thích mẫu:

- (1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
(2) Chưa cấp, bỏ sung thông tin về.....(mục này chỉ có khi có thông tin yêu cầu).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ông/Bà.....

Địa chỉ:.....

(1)



GIẤY BẢO TIN

Bộ Công an đã xem xét chấp thuận ông/bà.....(2)
được thường trú tại địa chỉ.....
Đề nghị ông/bà thông báo cho thân nhân có tên trên liên hệ với Phòng Quản lý
xuất nhập cảnh.....(3) để được cấp thẻ thường trú theo quy định.

Xin thông báo đề ông/bà biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Phòng QLXNC.....(3)

(để biết);

- Lưu:

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG

Giải thích mẫu:

(1) Ghi họ tên và địa chỉ thường trú của người bảo lãnh;

(2) Ghi họ tên người xin thường trú;

(3) Ghi tên Công an tỉnh, TP nơi người nước ngoài xin thường trú.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY BIÊN NHẬN



.....(2) đã nhận hồ sơ của:

Ông (bà):.....; Số CMND/hộ chiếu:.....; Số hồ sơ:.....
Địa chỉ/cơ quan/tổ chức/cá nhân:.....
Hồ sơ gồm:

- Công văn số/Đơn đề nghị:....., Ngày...../...../.....
- Kèm theo:.....
Nội dung đề nghị:
- Cấp.....
- Đề nghị khác:.....

Ghi chú:.....
Mời ông/bà nhận trả lời kết quả vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....(4)
tại.....(Khi nhận trả lời kết quả, đề nghị ông/bà mang theo giấy này và CMND/hộ chiếu).

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....
Người nhận hồ sơ
(Ký ghi rõ họ tên)

Giải thích mẫu:

- (1) Số biên nhận: ghi đầy đủ mã nơi nhận hồ sơ, ngày tháng năm, theo thứ tự.
- (2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, TP trực thuộc Trung ương.
- (3) Nếu có bản/quỹ thi ghi rõ số; nếu không có thì ghi Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh.
- (4) Ghi rõ địa chỉ của trụ sở cơ quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THỊ THỰC
VISA

N^o 50

ĐẾN NGÀY
Valid from

SỬ DỤNG MỘT/NHIỀU LẦN
Good for single / multiple entries

CẤP CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU SỐ
Issued to the holder of passport N^o

THỜI HẠN TẠM TRƯ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Length of stay is subject to permission by Immigration Authority

GHI CHÚ
Annotation

CẤP TẠI
Issued at

On

NGÀY
Date

ĐƠN MẪU
SPECIMEN

Thuyết minh:
- Kích thước 10,5 cm x 75 cm, các góc tròn đều.
- Nền hoa văn màu hồng nhẹ.
- Phần nền trắng để in dòng ICAO.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
BAN NHÀ
SPECIMEN



THỊ THỰC
VISA

Số
Nº

Ký hiệu
Category

CÒ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY
Valid from
ĐẾN NGÀY
until
BÊN NGÀY

SỬ DỤNG MỘT / NHIỀU LẦN
Good for single / multiple entries

HỌ TÊN

Full name

NGÀY SINH

Date of birth

MANG HỘ CHIẾU CỦA NƯỚC / LÃNH THỔ

Holding passport of country / territory

SỐ
Nº

THỜI HẠN TÀM TRỮ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Length of stay is subject to permission by Immigration Authority

GHI CHÚ

Annotation

CẤP TẠI

Issued at

NGÀY

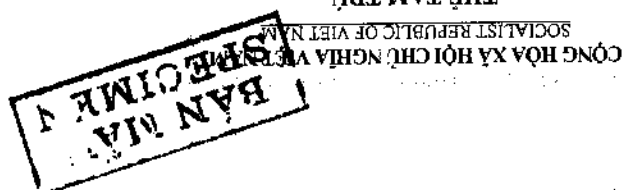
On

Ảnh 4 x 6 cm
Dán màng
màng

Thuyết minh:

- Kích thước: 12,5 cm x 17 cm.
- Nền hoa văn màu hồng nhẹ.
- Phần nền trắng để in dòng ICAO.

Mẫu thẻ tạm trú cấp tại cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao



THE TÂM TRÚ
TEMPORARY RESIDENT CARD
Số/ No.NG3

This card is issued to the holder of passport No

Cơ quan Organization

Người mang Thẻ tạm trú là người cư trú tại Việt Nam
và được tạm trú tại Việt Nam trong thời hạn gia
trí của Thẻ

The Card holder is exempted from a Vietnamese
visa and permitted to stay in Viet Nam within the
card validity

Thẻ có giá trị đến ngày
This card is valid until day/ month/ year

(1) ngày tháng năm
(2)
(3)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ địa danh hành chính.
- (2) Tên cơ quan cấp;
- (3) Chức vụ.

Miêu tả:

- Kích thước: 66mm x 95mm.
- Ván nền được thiết kế bằng phần mềm bảo an Fortuna.
- Hình Quốc huy ở chính giữa thẻ.

Mẫu thẻ tạm trú cấp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

BẢN MẪU

Người mang Thẻ được tạm trú tại Việt Nam được miễn thi thực Việt Nam
Thẻ và được miễn thi thực Việt Nam
The Card holder is permitted to stay in Viet Nam within the card validity and
exempted from a Vietnamese visa

Cấp tại: (1) ngày tháng năm
Date of issue (Day Month Year)
Trưởng phòng
Chief of Division
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

THẺ TẠM TRÚ-TEMPORARY RESIDENT CARD

Số thẻ/ No
Ký hiệu/ Type :
Họ tên/ Name :
Ngày sinh/ Date of birth :
Giới tính/ Sex :
Mang hộ chiếu của/ Passport of :
Số/ No :
Thẻ có giá trị đến/ This Card expires on (Day, Month, Year) :

Ảnh
2x3cm

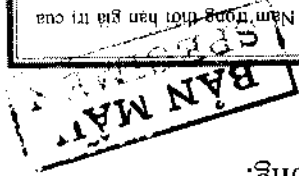
Ghi chú:

(1) Ghi rõ địa danh hành chính.

Miêu tả:

- Làm bằng giấy cứng, kích thước là 8,9 cm x 5,6cm (bằng cỡ giấy CMND loại cũ).
- Nền có vân màu xanh da trời nhạt
- Đường viền kép màu xanh da trời nhạt
- Ảnh dán cỡ 2x3cm, đóng dấu nổi phần 1/3 mép đáy ảnh, ép nylon 2 mặt.

Mẫu thẻ tạm trú cấp tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Người mang Thẻ được tạm trú tại Việt Nam trong thời hạn giá trị của Thẻ và được miễn thị thực Việt Nam <i>The Card holder is permitted to stay in Viet Nam within the card validity and exempted from a Vietnamese visa</i>	
Công an tỉnh/TP.....tháng.....năm.....	Date of issue (Day Month Year)
Trưởng phòng QL XNC	Chief of Immigration Office
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Socialist Republic of Viet Nam	
THẺ TẠM TRÚ-TEMPORARY RESIDENT CARD	
Số thẻ/ No	Ký hiệu/ Type :
Họ tên/ Name:	Ngày sinh/ Date of birth:
Giới tính/ Sex:	Mang hộ chiếu của/ Passport of:
Số/ No:	
Thẻ có giá trị đến/ This Card expires on (Day, Month, Year):	

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên công an tỉnh/TP.

Miêu tả:

- Làm bằng giấy cứng, kích thước là 8,9 cm x 5,6cm (bằng cỡ giấy CMND loại cũ).
- Nền có vân màu xanh da trời nhạt
- Đường viền kép màu xanh da trời nhạt
- Ảnh dán cỡ 2x3cm, đóng dấu nổi phần 1/3 mép đáy ảnh, ép nylon 2 mặt.

- Thuyết minh:
- Kích thước 10,5 x 7,5cm, các góc tròn đều. Sử dụng cùng loại phôi in thị thực.
 - Nền phông màu xanh lơ, có vân hoa màu nhạt và các chi tiết bảo mật.
 - Quốc huy Việt Nam (đường kính 1,5cm) in góc trên phía trái.
 - Phần nền trắng (có kích thước 10,5 x 2cm) để in dòng ICAO.

	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	
GIẤY MIỄN THỊ THỰC CERTIFICATE OF VISA EXEMPTION	
SỐ/No:	
NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU SỐ THE BEARER OF PASSPORT NUMBER	CẤP NGÀY ISSUED ON
NHẬP CẢNH VIỆT NAM NHIỀU LẦN ĐẾN NGÀY IS ENTITLED TO MULTIPLE ENTRIES INTO VIETNAM UNTIL (DAY, MONTH, YEAR)	CƠ QUAN CẤP AUTHORITY
MỖI LẦN NHẬP CẢNH TẠM TRÚ KHÔNG QUÁ 180 NGÀY DURATION OF STAY DOES NOT EXCEED 180 DAYS FOR EACH ENTRY	
TRẺ EM ĐI CÙNG HỘ CHIẾU ACCOMPANYING CHILDREN INCLUDED IN THE PASSPORT	

GIẤY MIỄN THỊ THỰC
CERTIFICATE OF VISA EXEMPTION



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY MIỄN THỊ THỰC
CERTIFICATE OF VISA EXEMPTION

CẤP CHO
ISSUED TO

NGÀY SINH
DATE OF BIRTH

GIỚI TÍNH
SEX

HỘ CHIẾU/ GIẤY TỜ CÓ GIÁ TRỊ BỊ LẠI QUỐC TẾ SỐ
PASSPORT/ INTERNATIONAL TRAVEL DOCUMENT No

CỦA NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ
OF COUNTRY/TERRITORY

NHẬP CẢNH VIỆT NAM NHIỀU LẦN ĐẾN NGÀY

FOR MULTIPLE ENTRIES INTO VIET NAM ON VISA EXEMPTION UNTIL

MỖI LẦN NHẬP CẢNH BƯỚC TÂM TRÚ KHÔNG QUÁ 180 NGÀY
DURATION OF STAY DOES NOT EXCEED 180 DAYS FOR EACH ENTRY

Ảnh 4x6cm

Thuyết minh:

- Kích thước: 8,7 x 12,5 cm và có 16 trang.

- Trang bìa của Giấy miễn là màu xanh lơ có in quốc huy Việt Nam màu

nhũ vàng, các trang bên trong có nền màu xanh nhạt.

- Đặc điểm bảo vệ: các trang đều có nền màu xanh nhạt, ở giữa có hình

quốc huy in chìm. Khi in có kỹ thuật bảo vệ. Có dòng in ICAO.

CẤP NGÀY

Issued on

CƠ QUAN CẤP

Issuing Authority

Chữ ký của người được cấp
Signature of bearer

BI CHU - OBSERVATIONS



BI CHU - OBSERVATIONS



Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Danh cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

VIỆT NAM

Danh cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

VIỆT NAM

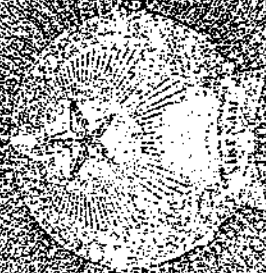
Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

Dành cho cơ quan xuất nhập cảnh Việt Nam
For Vietnam Immigration Authority only

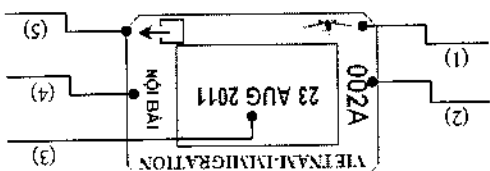
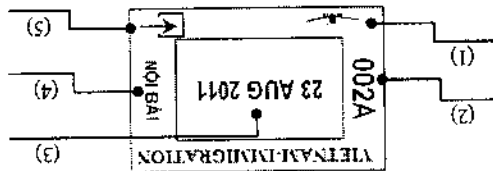


Ghiy trên thi thực gồm 16 trang
This Certificate of visa exemption contains 16 pages

I. Dấu kiểm chứng sử dụng ở đơn vị kiểm soát nhập cảnh thuộc

Bộ Công an

1. Dấu nhập: (kích cỡ: 22x34 mm).



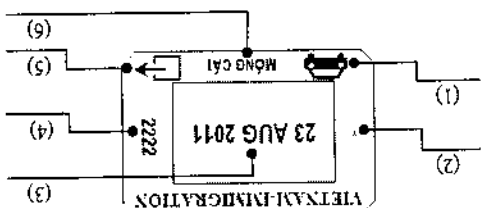
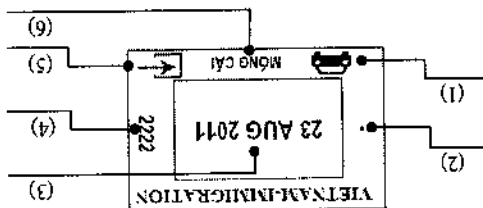
2. Dấu xuất: (kích cỡ: 22x34 mm).
mỗi cảnh 30 mm; 2 cảnh trung bình,
mỗi cảnh 17mm; 4 cảnh ngắn, mỗi
cảnh 04mm).

Thuyết minh:
(1) Biểu tượng cửa khẩu sân bay có hình máy bay, cửa khẩu cảng biển và
cảng sông có hình mỏ neo.
(2) Mã số kiểm soát viên (có 3 chữ số và một chữ cái bằng tiếng Việt).
(3) Ghi ngày...tháng...năm... nhập cảnh hoặc xuất cảnh.
(4) Tên cửa khẩu.
(5) Mũi tên chạy vào trong ô vuông là biểu tượng của việc nhập cảnh; mũi
tên chạy từ ô vuông ra là biểu tượng của việc xuất cảnh.

II- Dấu kiểm chứng sử dụng ở đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thuộc

Bộ Quốc phòng

1. Dấu nhập: (kích cỡ: 22x34 mm).



2. Dấu xuất: (kích cỡ: 2 cảnh dài,
mỗi cảnh 30 mm; 2 cảnh trung bình,
mỗi cảnh 17mm; 4 cảnh ngắn, mỗi
cảnh 04mm).

Thuyết minh:
(1) Biểu tượng cửa khẩu đường bộ có hình ô tô, đường sắt có hình đầu tàu
hỏa, cửa khẩu cảng biển và cảng sông có hình mỏ neo.
(2) N là nhập cảnh; X là xuất cảnh.
(3) Ghi ngày...tháng...năm... nhập cảnh hoặc xuất cảnh.
(4) Mã số kiểm soát viên (có 4 chữ số).
(5) Mũi tên chạy vào trong ô vuông là biểu tượng của việc nhập cảnh; mũi
tên chạy từ ô vuông ra là biểu tượng của việc xuất cảnh.
(6) Tên cửa khẩu.

Dầu gia hàn tạm trú: Kích thước: 4,1 x 2,2 cm; mực dầu màu xanh lam.

Gia hàn tạm trú đến.../.../...	Stay permit is extended up to
... (1) .../.../...	... (1) .../.../...
..... (2)	 (2)
..... (3)	 (3)

- Ghi chú:

(1) Địa danh hành chính;

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao
(tiếng viết/tiếng anh);

(3) Chữ ký của người có thẩm quyền.

Thẻ thường trú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

THE THƯỜNG TRÚ-PERMANENT RESIDENT CARD

Họ tên/Name:
Số thẻ/No:
Ngày sinh/Date of birth:
Giới tính/Sex:
Quốc tịch/Nationality:
Hộ chiếu số/Passport No:
Địa chỉ thường trú/Permanent Residential address:

Người mang Thẻ được miễn thi thục Việt Nam
The card holder is exempted from a Viet Nam test

Trước ngày... tháng... năm...
Before date (Day/Month/Year), this Card must be renewed

Công an tỉnh/TP.....(1).....ngày...tháng...năm...
Trưởng phòng QLXNC
Chief of Immigration Office

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN MẪU
SPECIMEN**

Ghi chú:

(1) Ghi rõ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cấp

Miêu tả:

- Làm bằng giấy cứng, kích thước là 8,9 cm x 5,6cm
- Nền có vân màu vàng nhạt
- Đường viền kép màu nâu nhạt
- Ảnh dán cỡ 2x3cm, đóng dấu nổi phần 1/3 mép đáy ảnh, ép nylon 2 mặt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
CỘNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ.....(1)

Số /GP

.....(2)..... ngày tháng năm

Place and date of issue (Day, Month, Year)



Entry Permit to the restricted area, border area

GIẤY PHÉP VÀO KHU VỰC CẠM, KHU VỰC BIÊN

Ông/ bà Mr./Ms.....

Sinh ngày tháng năm Quốc tịch:
Date of birth (Day, Month, Year) Nationality

Nghề nghiệp (Occupation):
Hộ chiếu/ thẻ tạm trú/ thẻ thường trú số:

Passport /Temporary or Permanent Resident Card number .
Địa chỉ tạm trú/ thường trú tại Việt Nam:

Temporary or permanent residential address in Viet Nam
Được vào khu vực (Permitted to enter):

Số lần: từ ngày: đến ngày:
Number of entries from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

Mục đích (Purpose of entry):
Số người cùng đi (nếu có): (danh sách kèm theo).
Accompanying persons (if any) see attached list

Cơ quan/ tổ chức hoặc thân nhân đề nghị :
Applying organization/ Family relative:

Họ tên người hướng dẫn:
Full name of accompanying individual(s):

Điện thoại:
Telephone number

Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu số (Identity Card number):

Trưởng phòng
Chief of Division
(ky, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and stamp)

Ghi chú/Notes:

- (1) Tên Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Name of Provincial/ Central City Public Security
- (2) Ghi rõ địa danh hành chính Specify the place

DANH SÁCH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC PHÉP VÀO KHU VỰC CẤM (1)

List of the foreigners permitted to enter the restricted area

(kèm theo giấy phép số: /GP, ngày.....tháng.....năm.....)

(enclosed with the Permit numbered...../GP dated (Day, Month, Year)

Số TT	Họ tên (chữ in hoa) Full name(in capital letters)	Giới tính Sex	Ngày sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Hồ chiếu/ thẻ tạm trú/ thẻ thường trú số Passport/Temporary or Permanent Resident Card number

Ghi chú/Notes:

(1) Dấu treo của Phòng Quản Lý Xuất Nhập Cảnh nơi cấp phép
Stamp of the Immigration office who issues the Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

.....(1)

Số
/BB
No.



Hôm nay, hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm....., tại cửa khẩu:....., chúng tôi gồm:
Today, at....., on (Day, Month, Year)....., at the Border Checkpoint
....., we, including:

Ông/ bà Mr/Mrs:....., Chức vụ position:.....
Ông/ bà Mr/Mrs:....., Chức vụ position:.....(2):

Make a report on

Ông/ bà Mr/ Mrs:.....
Sinh ngày:.....tháng.....năm.....quốc tịch:.....
Date of birth (Day, Month, Year).....Nationality.....
Họ chiếu số:.....cấp ngày.....nơi cấp.....
Passport number.....Date of issue.....Place of issue.....
Lý do/Reason(s):.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....phút, ngày....., được lập thành 02 bản, có nội dung, giá trị như nhau; 01 bản giao cho ông/bà (3)....., 01 bản lưu tại đơn vị lập bản và đọc lại cho người có tên trong bản cùng nghe, công nhân là dùng và cùng ký tên dưới đây.
Completed as of, on (Day, Month, Year)....., in two copies of equal validity, with one copy to(3).....and the other to be filed by the reporting agency, being recited to and acknowledged by the undersigned.

Người bị lập biên bản Subject of the report
(Ký, ghi rõ họ tên)
Signature and full name

Người lập biên bản Duty officer
(Ký, ghi rõ họ tên)
Signature and full name

Ghi chú/Notes

- (1) Tên đơn vị lập biên bản
(2) Nếu tạm hoãn xuất cảnh thì ghi tạm hoãn xuất cảnh; hoặc xuất cảnh ghi hoặc xuất cảnh; chưa cho nhập ghi chưa cho nhập cảnh
(3) Tên người bị lập biên bản/Name of the subject of the report.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

Số /QĐ (1)
Số (2) ngày tháng năm
Place and date of issue (Day, Month, Year)

QUYẾT ĐỊNH BƯỚC XUẤT CẢNH
REMOVAL ORDER SPECIMEN 1

- Căn cứ Điều 30 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16/06/2014;
In accordance with the Article 30 of the Law on Entry, Exit, Transit and Residence of Foreigners in Viet Nam promulgated on 16th Jun, 2014;
- Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số..... lập ngày.....
Based on the administrative violation report number..... dated (Day, Month, Year)
Tôi:..... Chức vụ:..... Đơn vị:.....
I am..... Position..... Division.....

QUYẾT ĐỊNH DECIDE

Điều 1 Article 1:

Ông/ bà Mr/ Mrs:.....
Sinh ngày..... tháng..... năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
Quốc tịch:..... Hộ chiếu số:.....
Nationality..... Passport number.....
Tạm trú tại:.....
Temporary residential address.....
Phải xuất cảnh khỏi nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trước..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....
Is compelled to exit the Socialist Republic of Viet Nam before.....h, on.....(Day, Month, Year)
vì lý do:.....
For the reason(s).....

Điều 2 Article 2

(3)..... và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm chấp hành quyết định này.
..... and the person mentioned in the Article 1 are responsible to comply with this Order.

Nơi nhân (Copies to):

- Ông/ bà có tên tại Điều 1 (để chấp hành);
The person mentioned in Article 1 (to comply with)
- (3).....
Signature, full name, title and stamp
Người ra quyết định Decided by

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan có thẩm quyền ra quyết định
(2) Ghi rõ địa danh hành chính
(3) Tên cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định